TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - NINH BÌNH** Bản án số: 02/2026/HNGĐ-ST Ngày: 16-01-2026 *V/v: Ly hôn.*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- NINH BÌNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Khắc Thái; Bà Nguyễn Thị Phương Thiệu.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình- Thẩm tra viên Toà án nhân dân Khu vực 3 -Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 146/2025/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc:"Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐ-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H**, sinh ngày 10/3/1983;** Số CCCD: 037183004671; Địa chỉ: Thôn M, xã T, tỉnh Ninh Bình

- Bị đơn: Anh Đinh Văn M **sinh ngày 18/10/1981;** Số CCCD: 0037081013822; Địa chỉ: Thôn M, xã T, tỉnh Ninh Bình

Chị H có đơn xin xử vắng mặt, anh M vắng mặt lần hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 11 năm 2025, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Đinh Văn M kết hôn năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình nay là xã T, tỉnh Ninh Bình. Sau khi cưới chúng tôi sinh sống cùng nhau tại Thôn M, xã T, tỉnh Ninh Bình. Chúng tôi sống hạnh phúc được khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp,

bất đồng quan điểm trong kinh tế và nuôi dậy con cái vì vậy vợ chồng thường xảy ra va chạm cãi chửi nhau. Năm 2013 vợ chồng tôi chính thức ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đinh Văn M.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là các cháu Đinh Thị Kiều T sinh ngày 19/8/2004, cháu Đinh Hoàng Lâm S ngày 27/9/2007, hiện cả hai cháu đã trưởng thành, tự lập nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đinh Văn M: Mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo, giấy báo, tuy nhiên anh M không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản bày tỏ ý kiến của anh với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 3-Ninh Bình đã tiến hành giải quyết theo quy định. Tuy nhiên anh M không đến tham gia các phiên họp và hòa giải tại Tòa án, vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại đơn xin xử vắng mặt, chị H vẫn giữ quan điểm như đơn khởi kiện và bản tự khai là xin ly hôn với anh Đinh Văn M.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Do bị đơn có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Ninh Bình thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn"* là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước*

thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 5, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí.

Đề nghị xử:

1. Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Đinh Văn M.

2. Nguyên đơn chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân Khu vực 3-Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Đinh Văn M là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được với nhau thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt, thực tế hai bên đã ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh M là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: Chị H và anh M có 02 con chung là các cháu Đinh Thị Kiều T sinh ngày 19/8/2004, cháu Đinh Hoàng Lâm S ngày 27/9/2007, hiện cả hai cháu đã trưởng thành, tự lập nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị H ly hôn với anh Đinh Văn M.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002783 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận: *- Các đương sự;* *- TAND tỉnh Ninh Bình;* *- VKSND Khu vực 3 – Ninh Bình;* *- Thi hành án DS tỉnh Ninh Bình;* *- UBND xã Thanh Sơn* *- Lưu hồ sơ vụ án.*	**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà** (đã ký) Nguyễn Thị Hương Quỳnh